

Bản án số: 81/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24/01/2022

V/v: “Tranh chấp về ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hương.

- Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh;

2. Bà Phạm Thị Ngọc.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị TR, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 321/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 về việc: “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 369/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị C, sinh năm 1960 (có mặt).

Thường trú: Số 49, đường Đỗ Thị T, Tổ 12, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Trần Văn R, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Thường trú: Tỉnh Thất Minh Tâm, đường Tỉnh lộ 7, Tổ 1, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn xin ly hôn ghi ngày 11/3/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị C trình bày sự việc như sau:

Bà (Võ Thị C) và ông Trần Văn R sống chung như vợ chồng từ năm 1982 nhưng không có đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng bà sống hạnh phúc nhưng đến khi bà sinh con thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau và đến năm 1987 thì ông R đi tu, vợ chồng bà cũng chính thức sống ly thân từ đó cho đến nay.

Vì vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu nhau, sống xa nhau đã lâu, không thể hàn gắn nên bà xin được ly hôn dứt khoát với ông R.

Về con chung: Vợ chồng bà có 01 con chung tên là Trần Ngọc T, sinh ngày 06/10/1984, con chung đã thành niên.

Về tài sản chung: Bà và ông R không có tài sản chung.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

- Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Trần Văn R không có mặt nên không có lời khai của ông R.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ kiện: “Tranh chấp về ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn trong vụ kiện ông Trần Văn R hiện có địa chỉ tại huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án số 321/TB-TA ngày 05/4/2021; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 369/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 và giấy triệu tập; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 và giấy triệu tập nhưng bị đơn ông Trần Văn R đều không đến Tòa án mà không rõ lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông R.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị C về việc yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Trần Văn R, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Võ Thị C và ông Trần Văn R sống chung như vợ chồng từ năm 1982 nhưng không có đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình thì nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh

quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Khi có yêu cầu ly hôn thì căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình, tuyên bố không công nhận họ là vợ chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà C và ông R.

- Về con chung:

Bà C và ông R có 01 con chung tên là Trần Ngọc T, sinh ngày 06/10/1984. Do con chung của bà C và ông R đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về tài sản chung:

Bà C khai bà và ông R không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về nghĩa vụ dân sự chung:

Bà C khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí:

Bà C không nộp tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm do là người cao tuổi nên không xét; bà C không phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9, Điều 14, khoản 1 Điều 16, khoản 2 Điều 53; Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị C.

- Về quan hệ hôn nhân:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị C và ông Trần Văn R.

- Về con chung:

Bà C và ông R có 01 con chung tên là Trần Ngọc T, sinh ngày 06/10/1984, con chung đã thành niên nên không xét.

- Về tài sản chung:

Bà C khai giữa bà C và ông R không có tài sản chung nên không xét.

- Về nghĩa vụ dân sự chung:

Bà C khai giữa bà C và ông R không có nghĩa vụ dân sự chung nên không xét.

2. Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà C hiện là người cao tuổi nên thuộc trường hợp miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa (ông Trần Văn R) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã Phước Thạnh, H. Củ Chi, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Hương